TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và ông Phạm Hữu Ái
Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vĩnh Nguyên - Thư ký Tòa án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 26/2024/QĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐ-ST ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Xuân B, sinh năm: 1988 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, Bình Thuận.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1986 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông B trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn tại UBND xã T, H, Bình Thuận vào năm 2016. Thời gian 05 năm đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau thời gian này bà N có quen người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hiện ông B và bà N không còn chung sống với nhau. Tình cảm của ông đối với bà N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông B có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N vắng mặt không lý do chính đáng mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông B được ly hôn với bà N; không có con chung nên không giải quyết; Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Ông B phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Thủ tục tố tụng:

- Ông Trịnh Xuân B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Bà N có cư trú tại thôn A, xã T, huyện H, Bình Thuận. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn ông B có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà N.

[**2**] Về hôn nhân:

Ông Trịnh Xuân B và bà Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, H, Bình Thuận vào năm 2016 nên hôn nhân giữa ông B và bà N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông B trình bày ông và bà N hiện không còn chung sống với nhau do bà N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, hiện nay bà N đang chung sống với người đàn ông này, tình cảm đối với bà N không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt làm việc, bà N từ chối quyền được tham gia, quyền được thể hiện ý kiến và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng tỏ bà N không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc nhiên thừa nhận

có mâu thuẫn như trình bày của nguyên đơn; nguyên đơn ông B cũng khẳng định là không còn tình cảm gì với bà N. Như vậy, có cơ sở cho rằng mâu thuẫn giữa ông B và bà N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông B được ly hôn với bà N.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Án phí: Ông B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân B về việc: "Ly hôn" với bà Nguyễn Thị N.

1. Quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Xuân B được ly hôn với bà Nguyễn Thi N.

2. Con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Ông Trịnh Xuân B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0010703 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân, ông B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND nơi đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Khương